TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST Ngày: 05/01/2024 *V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Linh và ông Nguyễn Văn Bạn.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đinh Quốc Cường- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 286/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/7/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 38 ngày 10/11/2023, Quyết định ngừng phiên tòa số 02 ngày 06/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn N, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn 4, xã N, huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Nông.

Tạm trú: Thôn T, xã T, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Số 134, phố H, KDC M, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị M*: Ông Nguyễn Mạnh Cường- Luật sư Văn phòng Luật sư Á Đông, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày: Chị M và anh Nguyễn Văn T, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã T, huyện Thanh Hà ngày 27/7/2015, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới vợ chồng cùng nhau thuê nhà trọ tại thôn T, xã T, huyện Cẩm Giàng sống vì cả hai cùng làm công nhân tại đó. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuân vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 3/2023 thì anh T đưa con và mẹ đẻ về thuê nhà tại phường S- Chí Linh sống ly thân. Đến khoảng tháng 7/2023 thì anh T còn về lại nhà trọ tại T đánh đập chị M, đập phá đồ đạc, công an xã đã đến lập biên bản. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức Tuấn T1- sinh ngày 25/10/2019, Nguyễn Đức A- sinh ngày 22/8/2021. Hiện cháu Đức A đang ở với chị M, còn cháu Tuấn T1 đang ở với anh T. Khi ly hôn nguyện vọng của chị M xin được nuôi dưỡng cháu Đức A vì cháu còn rất nhỏ, để anh T nuôi dưỡng cháu Tuấn T1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh T không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án nên chị M có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, sớm đưa vụ án ra xét xử.

Tại Công văn số 33897/QLXNC-P3 của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an: Theo thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh: chưa có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của Nguyễn Văn T- sinh năm 1987, CMND số 245049561.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố ý không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T thông qua chủ nhà trọ là chị Đoàn Thị H có sự xác nhận của Trưởng khu dân cư M.

Công an xã T, huyện Cẩm Giàng xác định công dân Nguyễn Văn T từ năm 2019 đến tháng 5/2023 chuyển về Chí Linh sống nhưng không làm thủ tục chuyển cắt tạm trú.

Trưởng khu dân cư M, phường T và chủ nhà trọ chị Đoàn Thị H đều xác định công dân Nguyễn Văn T- sinh năm 1987 quê quán gốc ở Thanh Hà có cùng mẹ đẻ là Ngô Thị N và con trai là Nguyễn Đức Tuấn T1 đến thuê và ở tại nhà trọ tại số 134 phố H, KDC M, phường T, thành phố Chí Linh.

Người làm chứng bà Ngô Thị N (là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T, mẹ chồng chị Phạm Thị M) cung cấp: Chị M và anh T, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã T, huyện Thanh Hà ngày 27/7/2015, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới vợ chồng cùng nhau thuê nhà trọ tại thôn T, xã T, huyện Cẩm Giàng sống vì cả hai cùng làm công nhân tại đó. Quá trình chung sống cơ bản không có mâu thuẫn gì lớn nhưng có lần do hiểu lầm câu nói nên anh T có chửi mắng chị M, vợ chồng cãi vã nhau rồi anh T cùng con trai là cháu Tuấn T1 về cùng bà thuê nhà trọ tại phường T ở, sau đó lại chuyển về nhà con gái là Nguyễn Thị T2 ở KDC V1, phường V ở nhờ. Việc ly hôn là quyền của chị M và anh T. Hiện cháu Tuấn T1 và anh T vẫn đang sống chung với bà. Về tài sản của anh T và chị M không có gì.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Phạm Thị M và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp vắng mặt có đơn, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bài phát biểu.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị M tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức A- sinh ngày 22/8/2021; giao cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn

Đức Tuấn T1- sinh ngày 25/10/2019 đến khi các con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Về công sức, tài sản, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị M chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Đắk Nông nhưng về đăng ký tạm và cư trú tại thôn T, xã T, huyện Cẩm Giàng nhưng đến tháng 05/2023 do mâu thuẫn vợ chồng đã không cắt chuyển tạm trú nhưng thực tế đã đến thuê nhà trọ và sống tại số nhà 134 phố H, KDC M, phường T, thành phố Chí Linh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T có mặt tại nơi cư trú cuối cùng, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Nguyên đơn chị Phạm Thị M và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp vắng mặt có đơn, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bài phát biểu. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã T, huyện Thanh Hà ngày 27/7/2015, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị M và anh T thấy rằng: Từ khi kết hôn năm 2015, vợ chồng cơ bản hòa thuận không có mâu thuẫn lớn. Đến đầu năm 2023 mới nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt. Anh T đã đưa con trai và mẹ đẻ về thuê trọ ở Chí Linh từ tháng 5/2023 đến nay, đỉnh điểm đến tháng 7/2023 anh T còn

quay về phòng trọ của chị M và con đốt phá đồ đạc. Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị M xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức Tuấn T1- sinh ngày 25/10/2019, Nguyễn Đức A- sinh ngày 22/8/2021. Hiện cháu Đức A đang ở với chị M, còn cháu Tuấn T1 đang ở với anh T. Khi ly hôn chị M xin được nuôi cháu Đức A còn giao anh T nuôi dưỡng cháu Tuấn T1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tuy anh T vắng mặt không có ý kiến nhưng thực tế đang chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tuấn T1 ổn định. Hơn nữa theo lời khai của bà Ngô Thị N- mẹ đẻ anh T và là bà nội ở cùng với cháu Tuấn T1 thì anh T và chị M khi ly hôn nên giao cho mỗi bên nuôi một con là phù hợp với thực tế, phù hợp với các quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị M tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức A- sinh ngày 22/8/2021; giao cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức Tuấn T1- sinh ngày 25/10/2019 đến khi các con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con

chung cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công sức, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003852, ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã Thanh Hồng (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách